



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 25/EB/2024

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ EB

Địa chỉ: Số 163, Đường Phan Đăng Lưu, Phường 01, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Điện thoại: 028.39958368

Fax: 028.39958423

Mã số doanh nghiệp: 0105696842

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: **ĐẬU GÀ HỮU CƠ - D'AUCY**

2. Thành phần: Đậu gà hữu cơ 52%, nước.

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 4 năm kể từ ngày sản xuất.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

- Quy cách đóng gói: Khối lượng tịnh hỗn hợp: 330 g; khối lượng chất rắn: 215 g hoặc khối lượng khác theo nhu cầu khách hàng.

- Chất liệu bao bì: Sản phẩm được bao gói trực tiếp trong lọ thủy tinh, có nắp bằng sắt.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm (sản phẩm nhập khẩu): D'AUCY FRANCE - CS 22129 - 56004 Vannes Cedex - France (Pháp).

III. Mẫu nhãn sản phẩm

Đính kèm (Theo 43/2017/NĐ-CP Nghị định về Nhãn hàng hóa và 111/2021/NĐ-CP Nghị định về Sửa đổi, bổ sung một số điều nghị định số 43/2017/NĐ-CP nhãn hàng hóa).

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

1. **Chỉ tiêu độc tố vi nấm:** theo QCVN 8-1:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm.

Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giới hạn tối đa
1	Aflatoxin B1	µg/kg	2
2	Aflatoxin tổng số	µg/kg	4
3	Ochratoxin A	µg/kg	3
4	Deoxynivalenol	µg/kg	750
5	Zearalenone	µg/kg	75

2. **Chỉ tiêu kim loại nặng:** theo QCVN 8-2:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.

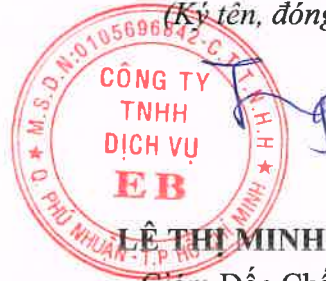
Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giới hạn tối đa
1	Cadmi (Cd)	mg/kg	0,1
2	Chì (Pb)	mg/kg	0,2

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 07 năm 2024

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)



LÊ THỊ MINH TRANG

Giám Đốc Chất lượng

MẪU NHÃN DỰ KIẾN

ĐẬU GÀ HỮU CƠ - D'AUCY

Thành phần: Đậu gà hữu cơ 52%, nước.

Thông tin dinh dưỡng: Thành phần dinh dưỡng trên 100 g (khối lượng chất rắn): Năng lượng 109 kcal; Chất đạm 6,7 g; Carbohydrat 15 g; Chất béo 2,5 g; Natri 4 mg.

Khối lượng tịnh hỗn hợp: 330 g; khối lượng chất rắn: 215 g

Dùng chế biến các món ăn. Để ráo nước trước khi sử dụng.

Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát. Sau khi mở bao bì, cho sản phẩm vào hộp kín, bảo quản trong tủ lạnh và sử dụng trong vòng 2 ngày.

Ngày sản xuất:

Hạn sử dụng:

Sản xuất bởi: D'AUCY FRANCE - CS 22129 - 56004 Vannes Cedex - France (Pháp).

Nhập khẩu và phân phối bởi: CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ EB, Số 163, Đường Phan Đăng Lưu, P. 01, Q. Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Cảnh báo: Có thể chứa vết gluten ngũ cốc và đậu nành.

Số TCB: 25/EB/2024



BẢN DỊCH



d'aucy
ĐẬU GÀ HỮU CƠ

**KHÔNG
CHẤT BẢO QUẢN***

FR-BIO-01
Nông nghiệp Pháp

d'aucy Pháp – CS 22129
56004 VANNES CEDEX PHÁP
www.daucy-international.com

Giống hầu hết các loại đậu gà đóng hộp trên thị trường.

Chick peas without sodium.
Ingredients: chick peas**, water. **Organic ingredients. May contain traces of cereals containing gluten and soybeans.
Nutrition Information: Per 100 g (drained): Energy 459 kJ/109 kcal - Protein 6,7 g - Total fat 2,5 g (saturated fat 0,3 g - trans fat 0,0 g) - Cholesterol 0,0 g - Carbohydrate 15 g (total sugar 0,3 g) - Dietary fibre 5,5 g - Sodium 4 mg.
Before opening: store at room temperature away from humidity and any temperature variations. After opening: store in the refrigerator in a suitable airtight container and eat within 2 days. These chick peas are best before (DD/MM/YYYY) - 此日期前最佳 (DD/MM/YYYY) - Produced in France.

Total net weight: **330 g**
Drained net weight: **215 g**

ĐẬU GÀ KHÔNG NA TRI

Thành phần: Đậu gà**, nước. **Thành phần hữu cơ. Có thể chứa vết gluten ngũ cốc và đậu nành.

Thông tin dinh dưỡng. Trên 100g ráo nước: Năng lượng 459kJ/ 109 kcal – Protein 6,7 g - Chất béo tổng 2,5 g (Chất béo bão hòa 0,3 g - Chất béo trans 0,0 g) – Cholesterol 0,0 g – Carbohydrate 15 g (Đường tổng 0,3 g) – Chất xơ 5,5 g – Na tri 4 mg.

Trước khi mở bao bì: bảo quản ở nhiệt độ phòng, tránh ẩm và bất kỳ sự thay đổi nhiệt độ nào.
Sau khi mở bao bì: cho sản phẩm vào hộp kín, bảo quản trong tủ lạnh và sử dụng trong vòng 2 ngày. Để ráo nước trước khi dùng. Sử dụng tốt nhất trước (NGÀY/THÁNG/NĂM): xem trên nắp.

Sản xuất tại Pháp

Khối lượng tịnh
330 g

Khối lượng ráo nước
215 g

In Hong Kong: Distributed by Exclusive Foods Ltd - Unit 2205, 22/F, TWIC, 220-248 Texaco Road, Tsuen Wan, NT, Hong Kong SAR.

In Singapore: Distributed by DAWOOD Exports Pte Ltd - 5, Buroh Lane, 09-01, Singapore 618289. Tel. 62716500.

Tại Hồng Kông: Được phân phối bởi Exclusive Foods Ltd Unit 2205, 22/F, TWIC - 220-248 Texaco Road Tsuen Wan, N.T, Hong Kong SAR

Tại Singapore: Được phân phối bởi DAWOOD Exports Pte Ltd - 5, Buroh Lane, 09-01, Singapore 618289
ĐT: 6271 6500



Tôi, Đinh Thị Hòa, CMND số: 186820408 do Công an tỉnh Nghệ An cấp ngày 29/05/2013; cam đoan dịch chính xác giấy tờ/ văn bản này từ tiếng Anh sang tiếng Việt.

Người dịch

Đinh Thị Hòa

LỜI CHỨNG CỦA CÔNG CHỨNG VIÊN

Hôm nay, ngày 28 tháng 09 năm 2023 (Ngày hai mươi tám tháng chín năm hai nghìn không trăm hai mươi ba)

Tại Văn phòng Công chứng Nguyễn Huệ, địa chỉ tại số 165 Giảng Võ, phường Cát Linh, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Tôi, *Vũ Thị Phương* - Công chứng viên, trong phạm vi trách nhiệm của mình theo quy định của pháp luật.

CHỨNG NHÂN

- Bản dịch này do bà Đinh Thị Hòa, CMND số: 186820408 do Công an tỉnh Nghệ An cấp ngày 29/05/2013, là cộng tác viên phiên dịch của Văn phòng Công chứng Nguyễn Huệ, thành phố Hà Nội, đã dịch từ tiếng Anh sang tiếng Việt .

- Chữ ký trong bản dịch đúng là chữ ký của bà Đinh Thị Hòa;
- Nội dung của bản dịch chính xác, không vi phạm pháp luật, không trái với đạo đức xã hội;
- Văn bản công chứng này được lập thành 03 bản chính, mỗi bản gồm 02 tờ, 02 trang, lưu một (1) bản tại Văn phòng Công chứng Nguyễn Huệ, thành phố Hà Nội.

Số công chứng: 10154 Quyển số: 01 /2023 TP/CC-SCC/BD

CÔNG CHỨNG VIÊN



Vũ Thị Phương

Đ.Đ.Đ.
N. PH.
G. CH.
Y. N.
Đ.Đ.Đ.



Chick peas without sodium.

Ingredients: chick peas*, water. **Organic ingredients. May contain traces of cereals containing gluten and soybeans.

Nutrition information. Per 100 g drained: Energy 459 kJ/109 kcal - Protein 6.7 g - Total fat 2.5 g (saturated fat 0.3 g - trans fat 0.0 g) - Cholesterol 0.0 g - Carbohydrate 15 g (total sugar 0.3 g) - Dietary fibre 5.5 g - Sodium 4 mg.

Before opening: store at room temperature away from humidity and any temperature variations. After opening: store in the refrigerator in a suitable airtight container and eat within 2 days. Drain before serving. Best before (DD/MM/YYYY) - 此日期前最佳 (日/月/年); see lid. Produced in France.

Total net weight:

330 g

Drained net weight:

215 g

In Hong Kong: Distributed by Exclusive Foods Ltd - Unit 2205, 22/F, TWIC, 220-248 Texaco Road, Tuen Wan, NT, Hong Kong SAR.

In Singapore: Distributed by DAWOOD Exports Pte Ltd - 5, Buroh Lane, 09-01, Singapore 618289. Tel. 62716500.



Ngày 10 tháng 08 năm 2023



LÊ THỊ MINH TRANG
Giám Đốc Chất Lượng

Trang/ Page No: 1/2

Ngày ban hành/ Date of issue: 30/07/2023

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 1X225G1993

Mã KQ/ RP. No: 007019271.00

- Tên khách hàng/ Client's Name (c)** : CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ EB
- Địa chỉ/ Client's Address (c)** : 163 Phan Đăng Lưu, Phường 1, Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving** : 25/07/2023
- Thời gian phân tích/ Date of Testing** : 25/07/2023 - 30/07/2023
- Thông tin mẫu/ Information of sample (c)** : ĐẬU GÀ HỮU CƠ - D'AUCY
- Mô tả mẫu/ Sample Description** : Mẫu chứa trong hộp thủy tinh
- Bảng kết quả/ Results Table** :

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result (s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method
1	LS Aflatoxin B ₁ (*) / Aflatoxin B ₁ (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/kg	0.15	TS-KT-SK-38:2019 (Ref. TCVN 10638:2014)
2	LS Aflatoxin (tổng B ₁ ,B ₂ ,G ₁ ,G ₂) (*) / Aflatoxin (sum of B ₁ ,B ₂ ,G ₁ ,G ₂) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/kg	0.15	TS-KT-SK-38:2019 (Ref. TCVN 10638:2014)
3	LS Ochratoxin A (*) / Ochratoxin A (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/kg	0.3	TS-KT-SK-41:2018 (Ref. EUR 23657 EN – 2009)
4	LS Deoxynivalenol (*) / Deoxynivalenol (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/kg	21	TS-KT-SK-45:2018 (Ref. AOAC 986.17)
5	LS Zearalenone (*) / Zearalenone (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/kg	5	TS-KT-SK-42:2018 (Ref. BS EN 15792:2009)
6	LS Cadimi (Cd) (*) / Cadmium (Cd) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/kg	0.003	TS-KT-QP-27:2021
7	LS Chì (Pb) (*) / Lead (Pb) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/kg	0.003	TS-KT-QP-27:2021
8	LS Escherichia coli (*) / Escherichia coli (*)	Không phát hiện/ Not Detected	MPN/g	0	TCVN 7924-3:2017 (ISO 16649-3:2015)
9	LS Staphylococcus aureus (*) / Staphylococcus aureus (*)	Không phát hiện/ Not Detected	CFU/g	10	AOAC 975.55
10	LS Clostridium perfringens (*) / Clostridium perfringens (*)	Không phát hiện/ Not Detected	CFU/g	10	TCVN 4991:2005 (ISO 7937:2004)
11	LS Tổng số bào tử nấm men nấm mốc / Total spores of yeasts and moulds	Không phát hiện/ Not Detected	CFU/g	10	Ref. TCVN 8275-1:2010 (ISO 21527-1:2008)

TSL SCIENCE CO.,LTD

HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

- (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.
- Kết quả này không được sao chép lừng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

Trang/ Page No: 2/2

Ngày ban hành/ Date of issue: 30/07/2023

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 1X225G1993

Mã KQ/ RP. No: 007019271.00

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result (s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method
12	LS Tổng số vi sinh vật hiếu khí (*) / Total aerobic microorganisms (*)	Không phát hiện/ Not Detected	CFU/g	10	TCVN 4884-1:2015 (ISO 2615-4833-1:2013)
13	LS Coliforms (*) / Coliforms (*)	Không phát hiện/ Not Detected	CFU/g	10	TCVN 6848:2007 (ISO 4832:2007)
14	LS Bacillus cereus (*) / Bacillus cereus (*)	Không phát hiện/ Not Detected	CFU/g	10	AOAC 980.31

Chú thích/ Remarks:

- (*) : Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (*) : Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- (**) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (**): Items are tested by subcontractor.
- LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ Limit of detection.
- LS,LH,LC: Ký hiệu mã chi nhánh/ Branch code: LS – CN HCM, LH – CN Hà Nội, LC – CN Cà Mau.
- Mẫu do khách hàng cung cấp/ The sample is provided by the customer.

PHỤ TRÁCH CHẤT LƯỢNG
QUALITY MANAGER

NGUYỄN THỊ CẨM TUYẾN

GIÁM ĐỐC
DIRECTOR

HUYNH TAN CƯỜNG



QUALITY BUILDS TRUST ✓